

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2026/DS-ST**

Ngày: 27/06/2026

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Minh Phương

Bà Nguyễn Thị Cờ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 06 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2793/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 05 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2026/QĐST-DS ngày 04 tháng 06 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1 (V)

Địa chỉ trụ sở chính: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Tầng 1 đến Tầng E, số A C, phường V - Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường Ô, Thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T1 – Chức vụ: Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 1053/UQ-VCB-PCS ngày 22/08/2024 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP N1);

Người đại diện theo ủy quyền tố tụng: ông Đậu Hoàng A, ông Lê Giang N và bà Vũ Thị Ngọc Lan H – Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1 (Theo Giấy ủy quyền số 148/UQ-HAN-HCNS ngày 12/08/2025 của ông Lê Ngọc T1); Địa chỉ: Tầng A

đến Tầng E, số A C, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường Ô, thành phố Hà Nội).

(Có mặt ông N, vắng mặt ông Hoàng A, bà Lan H).

- **Bị đơn:**

1. Ông Trần Anh P, sinh năm 1986

CCCD số: 030086005757 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/10/2017;

Nơi đăng ký HKTT: số nhà B, ngõ A đường Y, khu phố E, K, M, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh);

Nơi cư trú hiện nay: Căn hộ A Tòa nhà S107 VHOP, xã G, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1986

CCCD số: 030186005703 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/10/2017;

Nơi đăng ký HKTT: số nhà B, ngõ A đường Y, khu phố E, K, M, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh);

Nơi cư trú hiện nay: Căn hộ A Tòa nhà S107 VHOP, xã G, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/08/2025 và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N1 (V) trình bày:

1. Quá trình cấp tín dụng:

Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1 (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng V – Chi nhánh H1”) và ông Trần Anh P, bà Nguyễn Thị T2 đã ký Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021.

1.1. Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021

*Số tiền cho vay: **640.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi triệu đồng)*

*Thời hạn cho vay: **84 tháng**.*

Mục đích sử dụng vốn vay: Bù đắp tiền mua ô tô tiêu dùng cho Khách hàng.

Thông tin về xe ô tô mua:

Nhãn hiệu	: VINFAST LUX A2.0	Số máy	: 211000018VF20SED
Màu xe	: Cam đỏ	Số khung	: RPAB1RSFMV003452
Số chỗ ngồi	: 5	Biển kiểm soát	: 14A-561.37
Giá trị xe	: 918.575.000 VNĐ		

Lãi suất cho vay: Theo quy định tại Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021.

Ngày giải ngân vốn vay lần đầu: 25/05/2021 với số tiền 640.000.000 VNĐ (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng), Khách hàng đã ký Lịch trả nợ số 1 với [Ngân hàng V – Chi nhánh H1](#).

Tổng số tiền Khách hàng đã rút vốn: 640.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

1.2. Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021
Loại thẻ phát hành: Visa Signature (Số tài khoản thẻ: **VS0020000909**)

- *Tổng hạn mức thẻ: 150.000.000 VNĐ* (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng)
Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho chủ thẻ được quy định trong Biểu phí và lãi thẻ tín dụng quốc tế công bố chính thức trên [T3](#) thông tin điện tử của Ngân hàng (website:) theo từng thời kỳ.

2. Biện pháp bảo đảm: [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) và Khách hàng là ông [Trần Anh P](#), bà [Nguyễn Thị T2](#) (đồng thời là Bên thế chấp) đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản thuộc sở hữu của ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) là: 01 xe ô tô 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 14A-561.37, nhãn hiệu VINFAST LUX 2.0, màu xe: Cam đỏ, số khung: RPXAB1RSFMV003452, số máy: 211000018VF20SED theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14 005535 do [Phòng C Công an tỉnh Q](#) cấp ngày 19/05/2021 theo Hợp đồng thế chấp Phương tiện giao thông đường bộ số 49/21/OTO/HĐTC/78Z/381, số công chứng: 3154.2021; Quyền số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày ngày 24/05/2021 tại [Văn phòng C1](#) – Thành phố Hà Nội.

3. Việc vi phạm nghĩa vụ:

3.1. Dư nợ vay

Ngày 25/05/2021, ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) đã nhận nợ số tiền là **640.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

Trong khoảng thời gian từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu đến hết kỳ trả nợ tháng 05 năm 2025, ông [P](#) và bà [T2](#) trả nợ bình thường. Cho đến kỳ hạn trả nợ tháng 06 năm 2025 bắt đầu phát sinh chậm thanh toán và gây nên nợ quá hạn tại [Ngân hàng V – Chi nhánh H1](#).

Tính đến hết ngày 31/07/2025, tổng dư nợ gốc và lãi chưa trả của ông [Trần Anh P1](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại [Ngân hàng V – Chi nhánh H1](#) là: **235.201.895 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm linh một nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng), trong đó:**

+ Nợ gốc vay: 229.562.046 VNĐ

+ Nợ lãi vay quá hạn: 5.639.849 VNĐ

(Theo Bảng kê gốc + lãi vay ngày 31/07/2025 do Ngân hàng cung cấp).

3.2. Dư nợ thẻ

Tính đến hết ngày 31/07/2025, tổng dư nợ gốc và lãi chưa trả của ông [Trần Anh P1](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại [Ngân](#)

hàng V – Chi nhánh H1 là: **140.866.617 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm mười bảy đồng), trong đó:**

+ Nợ gốc thẻ tín dụng: 134.225.559 VNĐ

+ Nợ lãi thẻ tín dụng: 6.641.058 VNĐ

(Theo Bảng kê gốc + lãi vay ngày 31/07/2025 do Ngân hàng cung cấp).

Ngân hàng V – Chi nhánh H1 đã làm việc và nhiều lần có văn bản yêu cầu ông Trần Anh P và bà Nguyễn Thị T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021, yêu cầu ông Trần Anh P và bà Nguyễn Thị T2 thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp Phương tiện giao thông đường bộ số 49/21/OTO/HĐTC/78Z/381, số công chứng: 3154.2021; Quyền số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày ngày 24/05/2021 tại Văn phòng C1 – Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, cho đến nay, ông Trần Anh P và bà Nguyễn Thị T2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng V, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng V, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng V, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng V.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp, Ngân hàng TMCP N1 thông qua Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1 yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội giải quyết những yêu cầu sau:

1. T4 buộc ông Trần Anh P và bà Nguyễn Thị T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N1 toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 27/06/2026 (do tiền lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là: **90.448.377 đồng** trong đó:

+ Nợ gốc vay: 89.600.000 VNĐ

+ Nợ lãi vay quá hạn: 848.377 VNĐ

Và số tiền nợ gốc, lãi thẻ tín dụng: **69.659.968 đồng** trong đó:

+ Nợ gốc thẻ tín dụng: 44.472.811 VNĐ

+ Nợ lãi thẻ tín dụng: 25.187.157 VNĐ

Tổng cộng ông P và bà T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền là: **160.108.345 đồng** cho cả hai khoản vay bao gồm tại Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021.

2. T4 buộc ông Trần Anh P và bà Nguyễn Thị T2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021, kể từ ngày 01/08/2025 cho đến ngày thực tế ông Trần Anh P và bà Nguyễn Thị T2 trả hết nợ gốc cho Ngân hàng V.

3. T4 nếu ông Trần Anh P và bà Nguyễn Thị T2 trả không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu

lực pháp luật thì [Ngân hàng V](#) thông qua [Ngân hàng V – Chi nhánh H1](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm của ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) theo Hợp đồng thế chấp Phương tiện giao thông đường bộ số 49/21/OTO/HĐTC/78Z/381, số công chứng: 3154.2021; Quyền số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày ngày 24/05/2021 tại [Văn phòng C1](#) – Thành phố Hà Nội để thu hồi nợ cho [Ngân hàng V](#) theo quy định của pháp luật.

4. [T4](#) nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho [Ngân hàng V](#) thì [Ngân hàng V](#) thông qua [Ngân hàng V – Chi nhánh H1](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: [Ngân hàng TMCP N1](#) tự nguyện chịu cả chi phí tố tụng xem xét thẩm định tài sản thế chấp.

Về án phí: [Ngân hàng TMCP N1](#) đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài các nội dung trên, [Ngân hàng TMCP N1](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu gì khác.

Quá trình tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) biết Tòa án đã thụ lý vụ án “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo đơn khởi kiện của [Ngân hàng TMCP N1 \(V\)](#) đối với ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#); tiến hành triệu tập ông [Trần Anh P](#), bà [Nguyễn Thị T2](#) để giải quyết vụ án nhưng ông [P](#), bà [T2](#) không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Tại Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kèm hợp đồng ngày 28/10/2021, ông [Trần Anh P](#), bà [Nguyễn Thị T2](#) có nêu địa chỉ nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú là [số nhà B, ngõ A đường Y, khu phố E, K, M, tỉnh Quảng Ninh \(nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh\)](#). Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã có Công văn số 780/CV-TA ngày 26/11/2025 đề nghị [Công an phường M](#), tỉnh Quảng Ninh cung cấp thông tin cư trú của ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#). Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội đã nhận được Công văn số 1156/CAP của [Công an phường M](#) 2 phúc đáp như sau:

“- Qua kiểm tra thực tế, [Trần Anh P](#) và [Nguyễn Thị T2](#) đã bán nhà và không còn sinh sống tại [số nhà B, ngõ A đường Y, khu phố E, K, phường M, tỉnh Quảng Ninh](#). Hiện không có mặt trên địa bàn, không rõ chuyển đi từ thời gian nào.

- Tra cứu thông tin trên hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư thì [Trần Anh P](#) và [Nguyễn Thị T2](#) có nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Căn hộ 1809 Tòa S107 VHOP, [xã G, Thành phố Hà Nội](#). ”

Theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 177 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thỏa thuận của các bên tại mục 8.12 Điều 8 Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021, trường hợp ông [Trần Anh P](#) và bà

[Nguyễn Thị T2](#) chuyển đi nơi khác, không còn cư trú tại địa chỉ đã cung cấp thì ông [P](#), bà [T2](#) có nghĩa vụ thông báo cho [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) biết về việc thay đổi địa chỉ cư trú. Việc ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho [Ngân hàng V](#) được coi là cố tình che giấu địa chỉ cư trú nên theo quy định của pháp luật Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội đã tiến hành niêm yết các thông báo, giấy triệu tập và quyết định của Tòa án tại địa chỉ cư trú cuối cùng do [Công an phường M](#) cung cấp là Căn hộ 1809 Tòa S107 VHOP, [xã G, Thành phố Hà Nội](#). Vì vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện [Ngân hàng TMCP N1](#) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội buộc ông [Trần Anh P](#), bà [Nguyễn Thị T2](#) thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 27/06/2026 là **160.108.345 đồng**, trong đó số tiền gốc lãi khoản vay: **90.448.377 đồng** và số tiền gốc lãi thẻ tín dụng: **69.659.968 đồng**.

Tại phiên tòa hôm nay, ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021 giữa [Ngân hàng TMCP N1](#) và ông [Phạm Bá D](#); đồng thời có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng V – Chi nhánh H1](#), buộc ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) có trách nhiệm thanh toán trả cho [Ngân hàng TMCP N1](#) toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 27/06/2026 là **160.108.345 đồng** (trong đó số tiền gốc lãi khoản vay: **90.448.377 đồng**; số tiền gốc lãi thẻ tín dụng: **69.659.968 đồng**).

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021 kể từ ngày 28/06/2026 cho đến ngày thực tế ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) trả hết nợ gốc cho [Ngân hàng V – Chi nhánh H1](#). Chấp nhận yêu cầu tuyên nếu ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì [Ngân hàng V](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê

biên và phát mại tài sản bảo đảm của ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) theo Hợp đồng thế chấp Phương tiện giao thông đường bộ số 49/21/OTO/HĐTC/78Z/381, số công chứng: 3154.2021; Quyền số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày ngày 24/05/2021 tại [Văn phòng C1](#) – Thành phố Hà Nội để thu hồi nợ cho [Ngân hàng V](#) theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho [Ngân hàng V](#) thì [Ngân hàng V](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nguyên đơn [Ngân hàng TMCP N1](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại khoản 11.2 Điều 11 về giải quyết tranh chấp, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại của Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021, hai bên thỏa thuận: “*Trong trường hợp không thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền của Việt Nam nơi [Ngân hàng TMCP N1](#) – [Chi nhánh H1](#) có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện*”. [Ngân hàng TMCP N1](#) – [Chi nhánh H1](#) hiện có địa chỉ trụ sở tại: [Tầng A đến Tầng E, số A C, phường Ô, Thành phố Hà Nội](#). Thỏa thuận trên là phù hợp với thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân các cấp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) đến tham gia phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông [D](#) nhiều lần vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, ông [P](#) và bà [T2](#) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy, Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021 giữa [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) và ông [Trần Anh P](#), bà [Nguyễn Thị T2](#) được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy xác định là Hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành với các bên. Nay [Ngân hàng TMCP N1](#) yêu cầu buộc ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải trả nợ cho [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 27/6/2026 là **160.108.345 đồng** (*Một trăm sáu mươi triệu, một trăm linh tám nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng*), trong đó số tiền gốc lãi khoản vay: 90.448.377 đồng; số tiền gốc lãi thẻ tín dụng: 69.659.968 đồng) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ cho [Ngân hàng V](#).

[2.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021 là **90.448.377 đồng** của [Ngân hàng V – Chi nhánh H1](#) đối với ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc khoản vay: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021 và bảng kê tính gốc + lãi vay, ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) đã được giải ngân số tiền **640.000.000 đồng** (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng) theo Giấy nhận nợ số 01 kèm theo Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381; số tài khoản nhận nợ: 1021159411; ngày giải ngân: 25/05/2021. Trong khoảng thời gian từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu đến hết kỳ trả nợ tháng 05/2025, ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) trả nợ bình thường. Cho đến kỳ trả nợ tháng 06/2025 bắt đầu phát sinh chậm thanh toán và gây nợ quá hạn. Việc [Ngân hàng V – Chi nhánh H1](#) yêu cầu ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) thanh toán số tiền nợ gốc khoản vay là **89.600.000 đồng (Bằng chữ: T5 mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng)** là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 6 của Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381. Do vậy, [Ngân hàng TMCP N1](#) đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải thanh toán trả số tiền nợ gốc trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu thanh toán nợ lãi: Xét thấy, tại điểm 6.2.1 khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 quy định ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn cho Ngân hàng. Căn cứ khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ký ngày 24/05/2021, hai bên thỏa thuận: “... *Mức lãi suất cố định sẽ được thông báo tại giấy nhận nợ cho khách hàng. Lãi suất cho vay tháng 05/2021 hiện tại là 8,4%/năm*” với kỳ hạn cố định lãi suất 02 năm tính từ thời điểm giải ngân, cho các khoản giải ngân thuộc hợp đồng cho vay trung dài hạn được ký kết và rút vốn trong thời gian triển khai “Chương trình An tâm lãi suất năm 2021”.

Ngân hàng đã cung cấp các thông báo lãi suất cũng như giải trình cách tính lãi suất, bảng tính lãi suất trong hạn do ngân hàng xuất trình là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày 27/6/2026, số tiền nợ lãi trong hạn của ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) là 848.377 đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của [Ngân hàng N2](#), Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của [Ngân hàng TMCP N1](#) buộc ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải thanh toán số tiền lãi trong hạn là **848.377 đồng** (Bằng chữ: [T5](#) trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải trả cho [Ngân hàng V](#) theo Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021 là **90.448.377 đồng** (Bằng chữ: **Chín mươi triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng**).

[2.2]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng ngày 28/10/2021 là **69.659.968 đồng** của [Ngân hàng V](#) – [Chi nhánh H1](#) đối với ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng ngày 28/10/2021 và các bảng kê tính gốc + lãi thẻ tín dụng, ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#). Ông [Trần Anh P](#) được cấp thẻ tín dụng Visa Signature (số tài khoản thẻ: **VS0020000909**) với hạn mức 150.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu đến hết kỳ trả nợ tháng 05/2025, ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) trả nợ bình thường. Cho đến kỳ trả nợ tháng 06/2025 bắt đầu phát sinh chậm thanh toán và gây nợ quá hạn. Việc [Ngân hàng V](#) – [Chi nhánh H1](#) yêu cầu ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) thanh toán số tiền nợ gốc và lãi thẻ tín dụng là **69.659.968 đồng** (trong đó nợ gốc: 44.472.811 đồng; nợ lãi: 25.187.157 đồng) là phù hợp với thỏa thuận của giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng ngày 28/10/2021. Do vậy, [Ngân hàng TMCP N1](#) đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải thanh toán trả số tiền nợ gốc và lãi **69.659.968 đồng** (Sáu mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Như vậy, ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải thanh toán cho [Ngân hàng TMCP N1](#) – [Chi nhánh H1](#) số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 27/06/2026 theo Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng ngày 28/10/2021 số tiền là: **160.108.345 đồng** (Một trăm sáu mươi triệu, một trăm linh tám nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó số tiền gốc lãi khoản vay: 90.448.377 đồng (Chín mươi triệu, bốn trăm bốn mươi

tám nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng); số tiền gốc lãi thế tín dụng: 69.659.968 đồng (Sáu mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng). Ngoài ra, ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) còn phải trả toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ thời điểm ngày 28/06/2026 cho đến ngày thực tế trả hết nợ gốc cho [Ngân hàng V](#).

[2.4]. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, [Ngân hàng TMCP N1](#) có quyền đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp và các tài sản khác theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 49/21/OTO/HĐTC/78Z/381, số công chứng: 3154.2021; Quyền số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày ngày 24/05/2021 tại [Văn phòng C1](#) – Thành phố Hà Nội giữa ông [Trần Anh P](#), bà [Nguyễn Thị T2](#) (Bên thế chấp) và [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) (Bên nhận thế chấp):

Theo Điều 1 Phần II của Hợp đồng: Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải trả cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên theo Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/5/2021 và/hoặc tất cả các Hợp đồng cấp tín dụng ký giữa Khách hàng và Ngân hàng sau ngày Hợp đồng này có hiệu lực.

Tài sản bảo đảm được nêu tại Điều 2 Phần II của Hợp đồng: Để bảo đảm thanh toán các nghĩa vụ được bảo đảm, Bên thế chấp thế chấp cho Ngân hàng tài sản:

(i) 01 xe ô tô:

Nhãn hiệu	: VINFAST LUX A2.0	Số máy	: 211000018VF20SED
Màu xe	: Cam đỏ	Số khung	: RPXAB1RSFMV003452
Số chỗ ngồi	: 5	Biển kiểm soát	: 14A-561.37

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14 005535 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 19/05/2021
thuộc sở hữu của Bên Thế chấp (trong Hợp đồng gọi là **“Phương Tiện Giao Thông Đường Bộ”**).

(ii) phần giá trị gia tăng mà Bên Thế chấp đầu tư thêm gắn liền với Phương tiện Giao Thông Đường Bộ;

(iii) quyền sở hữu và tất cả các quyền, lợi ích khác của Bên Thế chấp liên quan đến [Phương tiện G](#), kể cả quyền phát sinh từ hợp đồng, các khoản tiền/tài sản bồi hoàn, các khoản thanh toán khác và quyền nhận tiền bảo hiểm [đối với Phương tiện G](#);

(iv) tiền thu được, kể cả quyền nhận tiền thu từ việc bán, hoặc định đoạt Tài sản bảo đảm theo cách khác đối với các Tài sản bảo đảm được đề cập trong các đoạn từ (i) đến (iii) nêu trên và tài sản hình thành từ tiền thu được đó.

Giá trị Tài sản bảo đảm là Phương tiện Giao Thông Đường Bộ vào ngày ký kết Hợp đồng là **918,575,000 VNĐ** (Bằng chữ: Chín trăm mười tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/04/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp thuộc sở hữu của ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) là: 01 xe ô tô 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 14A-561.37, nhãn hiệu VINFAST LUX 2.0, màu xe: Cam đỏ, số khung: RPXAB1RSFMV003452, số máy: 211000018VF20SED theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14 005535 do [Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Q](#) cấp ngày 19/05/2021 theo Hợp đồng thế chấp Phương tiện giao thông đường bộ số 49/21/OTO/HĐTC/78Z/381, số công chứng: 3154.2021; Quyền số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày ngày 24/05/2021 tại [Văn phòng Công chứng C1](#) – Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn của [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1 \(V – Chi nhánh H1\)](#), bị đơn ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) vắng mặt không có lý do. Do bị đơn vắng mặt và không mang tài sản đến Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp nêu trên.

Tại khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng quy định về Xử lý tài sản bảo đảm, các bên thỏa thuận: “*Ngân hàng có quyền xử lý Tài Sản Bảo Đảm khi xảy ra ít nhất một Sự kiện Vi Phạm và/hoặc theo quy định của pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn ở trường hợp Tài sản Bảo Đảm phải được xử lý để Bên Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác) và/hoặc quy định tại Hợp đồng. Việc xử lý Tài Sản B được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng và quy định của pháp luật*”. Xét thấy, việc thế chấp tài sản nêu trên đã được cụ thể hóa tại Hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước. Việc ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) không thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/5/2021 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu của [Ngân hàng TMCP N1](#) đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì [Ngân hàng V](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên và phát mại tài sản bảo đảm là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

[3]. Về chi phí tố tụng: [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) tự nguyện chịu cả chi phí tố tụng thẩm định tài sản thế chấp.

[4]. Về án phí: [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, 119, 317, 319, 322, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 90, 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) đối với ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#).

Xác nhận tính đến ngày 27/06/2026, ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) còn nợ [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) tổng số tiền là: **160.108.345 đồng** (*Một trăm sáu mươi triệu, một trăm linh tám nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng*) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021. Cụ thể:

- Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021 với số tiền là: **90.448.377 đồng**. Trong đó, nợ gốc: 89.600.000 đồng, nợ lãi: 848.377 đồng.

- Dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021 với số tiền là: **69.659.968 đồng**. Trong đó, nợ gốc: 44.472.811 đồng, nợ lãi: 25.187.157 đồng.

[2]. Buộc ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải thanh toán cho [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là **160.108.345 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu, một trăm linh tám nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng).**

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xử án sơ thẩm, ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 49/21/OTO/HĐCV/78Z/381 ngày 24/05/2021 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng ngày 28/10/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp [Ngân hàng TMCP N1](#) có sự điều chỉnh mức lãi suất cho vay định kỳ theo quy định của Ngân hàng thì lãi suất mà ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[3]. Trong trường hợp ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, [Ngân hàng TMCP N1](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 14A-561.37, nhãn hiệu VINFAST LUX 2.0, màu xe: Cam đỏ, số khung: RPXAB1RSFMV003452, số máy: 211000018VF20SED theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14 005535 do [Phòng C Công an tỉnh Q](#) cấp ngày 19/05/2021 theo Hợp đồng thế chấp Phương tiện giao thông đường bộ số 49/21/OTO/HĐTC/78Z/381, số công chứng: 3154.2021; Quyết số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày ngày 24/05/2021 tại [Văn phòng C1](#) – Thành phố Hà Nội.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

[4]. Về chi phí tố tụng: [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) tự nguyện chịu cả chi phí tố tụng thẩm định tài sản thế chấp.

[5]. Về án phí: [Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh H1](#) được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn trả [Ngân hàng V – Chi nhánh H1](#) số tiền 9,401,713 đồng (Bằng chữ: Chín triệu, bốn trăm linh một nghìn, bảy trăm mười ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017614 ngày 25/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Hà Nội.

Ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) phải chịu 8.005.417 đồng (Bằng chữ: Tám triệu, không trăm linh năm nghìn, bốn trăm mười bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. **(chưa nộp)**

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn [Ngân hàng TMCP N1](#) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông [Trần Anh P](#) và bà [Nguyễn Thị T2](#) vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *VKSND Khu vực 2 – Hà Nội;*
- *TAND Thành phố Hà Nội;*
- *Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hách